

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 10 - 2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con
chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Ông Lý Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị PH Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 10, ấp V, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 8, khóm C, phường A, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị L, anh H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị PH Thị L trình bày: Vào năm 2005, chị L và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, anh H và chị L chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên xảy ra cãi nhau và không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống

chung không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/5/2006 và Nguyễn Thanh L, sinh ngày 13/8/2011. Chị L yêu cầu nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải, lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như chị L trình bày. Anh H và chị L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc và không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh H đồng ý giao hai con chung cho chị L nuôi dạy vì hai cháu sống chung với gia đình chị L; anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về tình cảm giữa chị L và anh H. Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung.

* Tại phiên tòa:

- Thẩm phán công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn và lời khai trong quá trình tố tụng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị L và anh H thỏa thuận thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh H (sinh ngày 06/5/2006) và Nguyễn Thanh L (sinh ngày 13/8/2011) cho chị L tiếp tục nuôi dạy, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung, phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận giao 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dạy, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Chị PH Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H . Anh H có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2005, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Theo giấy xác minh ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang: chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A.

Theo giấy xác minh ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang: chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân - gia đình năm 2014 “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ*

lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”.

Chị L và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận PH Thị L và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Theo biên bản ý kiến cháu Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh L hiện đang sống chung với chị L tại tổ 10, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hai con chung có nguyện vọng được sống cùng chị L vì được chị L chăm sóc tốt, được đi học và có cuộc sống ổn định. Đồng thời, theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H đồng thống nhất chị L được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp.

Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị PH Thị L được nuôi dạy 02 (hai) cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/5/2006 và Nguyễn Thanh L, sinh ngày 13/8/2011 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị PH Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị PH Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007391 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị PH Thị L đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Thời hạn kháng cáo của chị PH Thị L và anh Nguyễn Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc